CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đạt Phương

Ngày 30/06/2025	43,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.4%	**37.1%**	**46.7%**

DT thuần
Q2/25
1,142
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 614| 116%
YoY: ▲ 182| 18.9%

LN thuần
Q2/25
111
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.00| 5.2%
YoY: ▲ 28.2| 34.6%

LN sau thuế
Q2/25
104
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.00| 4.3%
YoY: ▲ 31.7| 44.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.2%
YoY: +/-▼ 13.0%

ROE (TTM)
Q2/25
9.8%
YoY: +/-▲ 0.6%

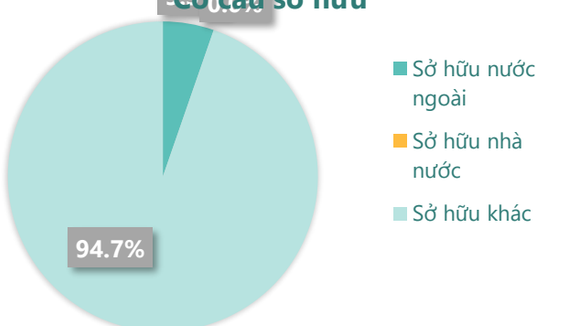
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,981 - 46,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,375
Số lượng CPLH (CP)	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,361,170
Sở hữu nước ngoài	5.3%
Beta	1.07
EPS	2,518
P/E	17.2

DT thuần
6T 2025
1,669
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 283| 20.4%

LN thuần
6T 2025
217
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 54.0| 32.9%

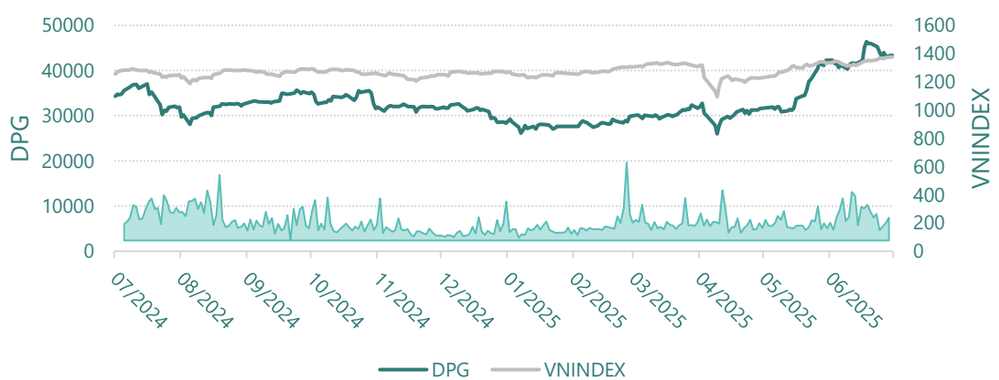
LN sau thuế
6T 2025
205
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0| 36.2%

Cơ cấu sở hữu

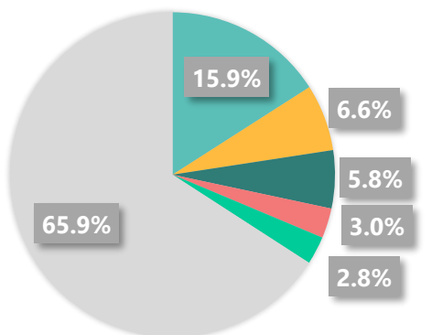


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

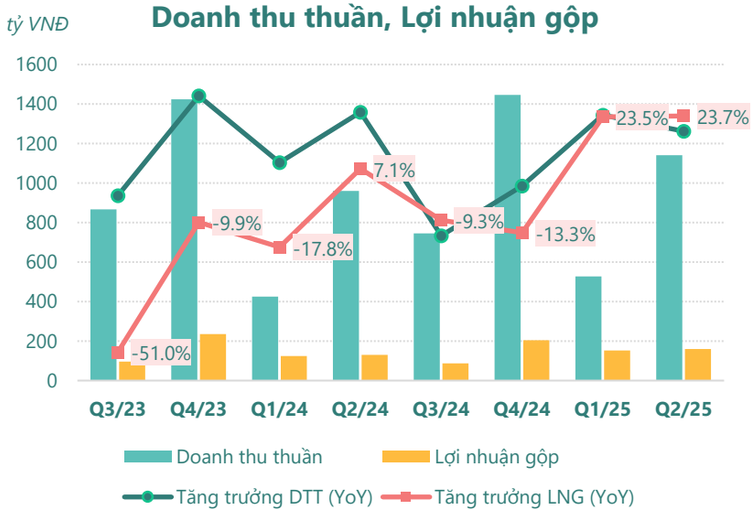


- Lương Minh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Kim Châu (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Trần Anh Tuấn (Tổng giám đốc)
- Lương Thị Thanh
- Trần Thị Thúy Hằng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

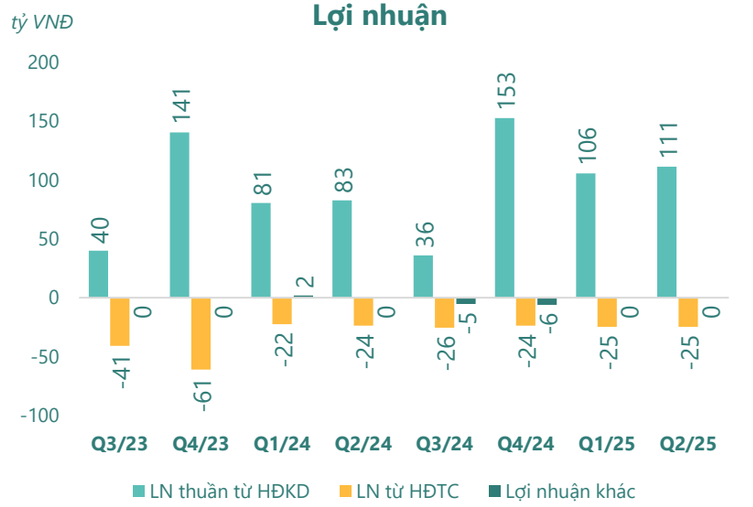
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



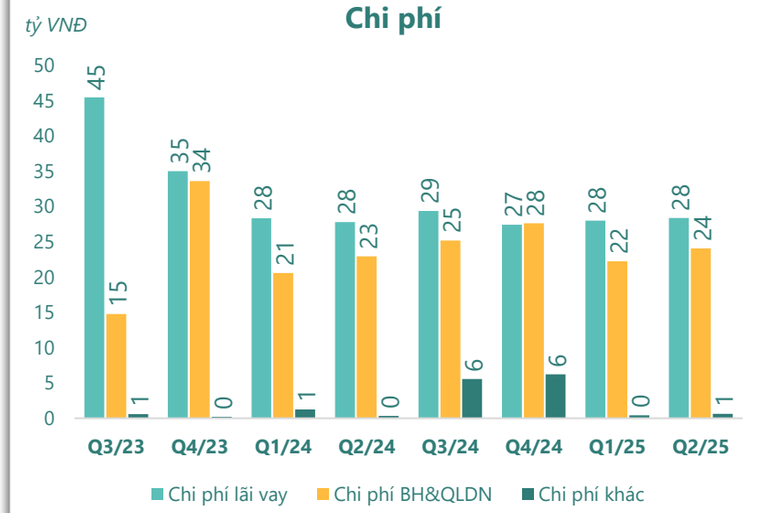
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



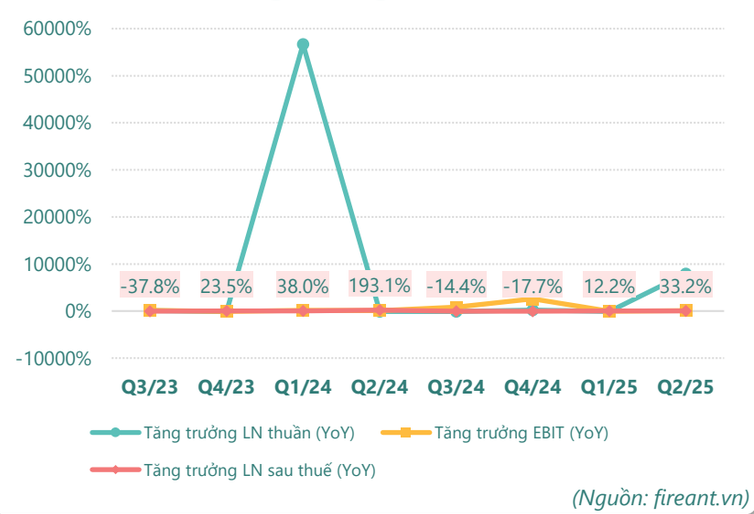
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



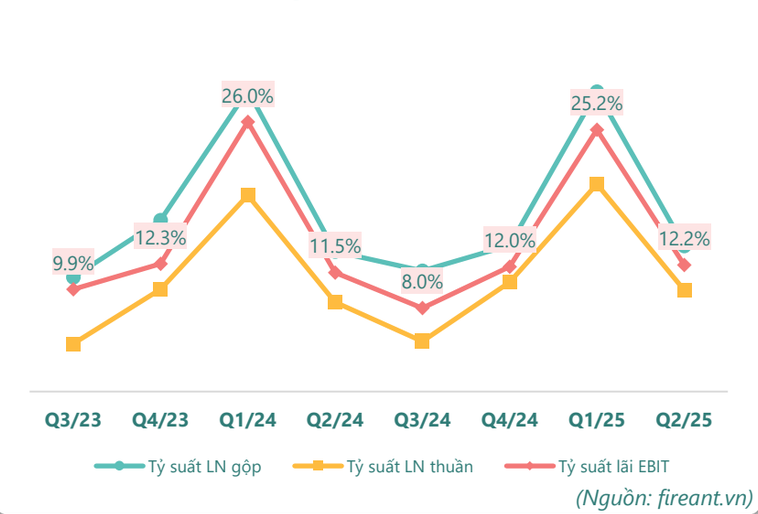
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

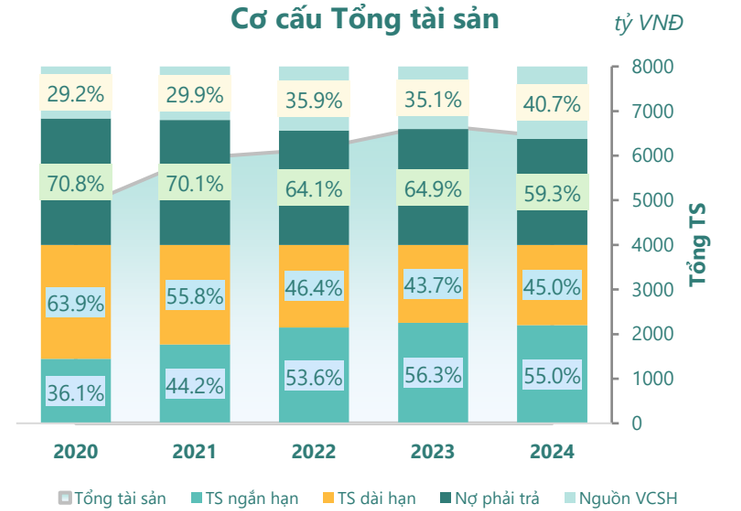
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

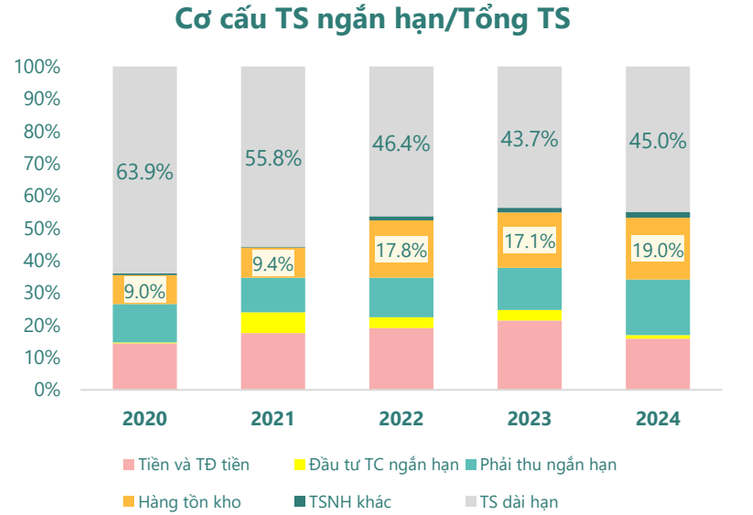
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



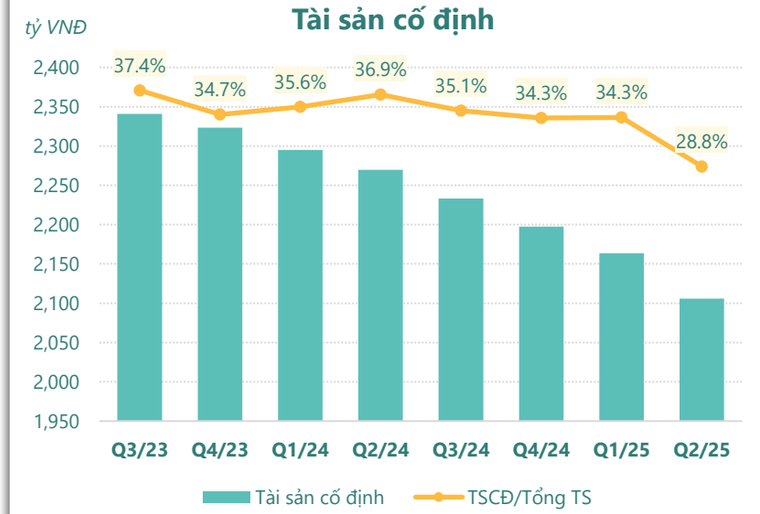
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



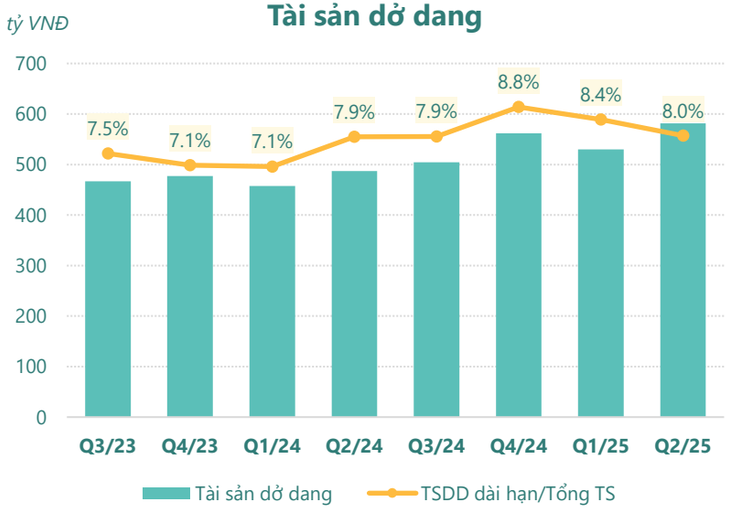
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



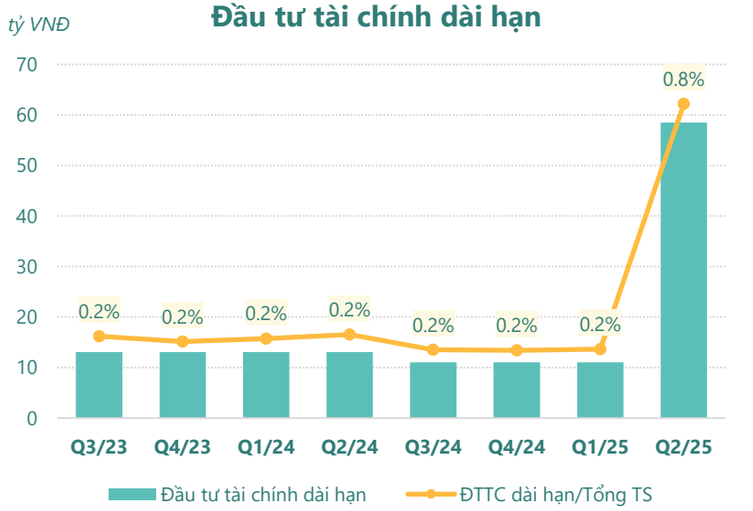
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



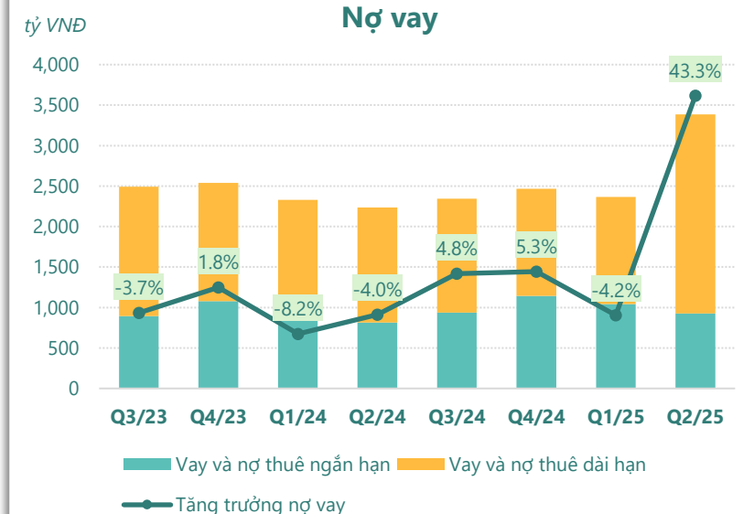
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

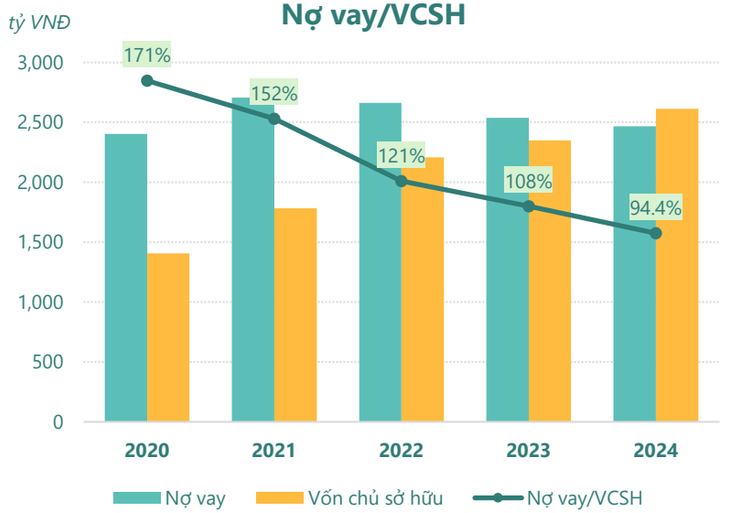
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

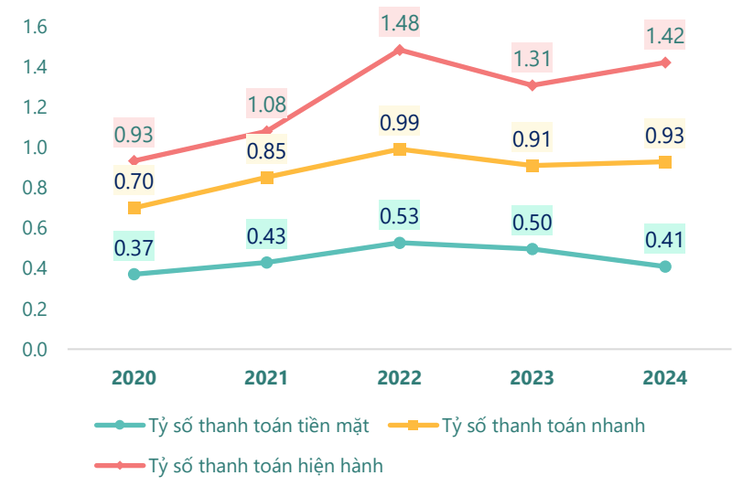
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



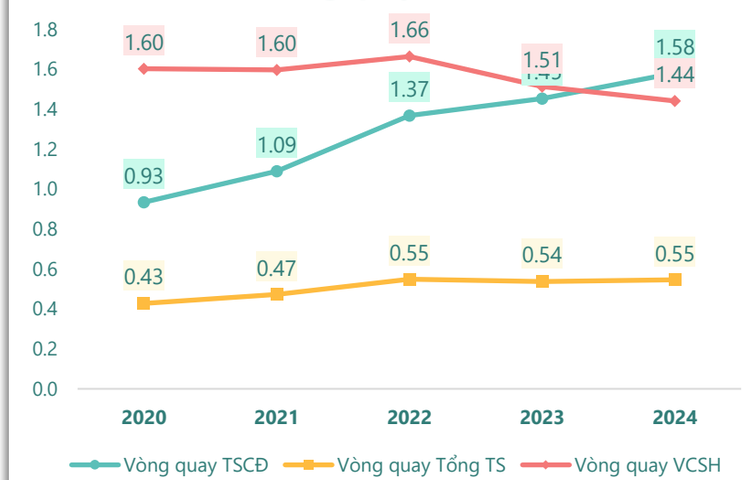
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



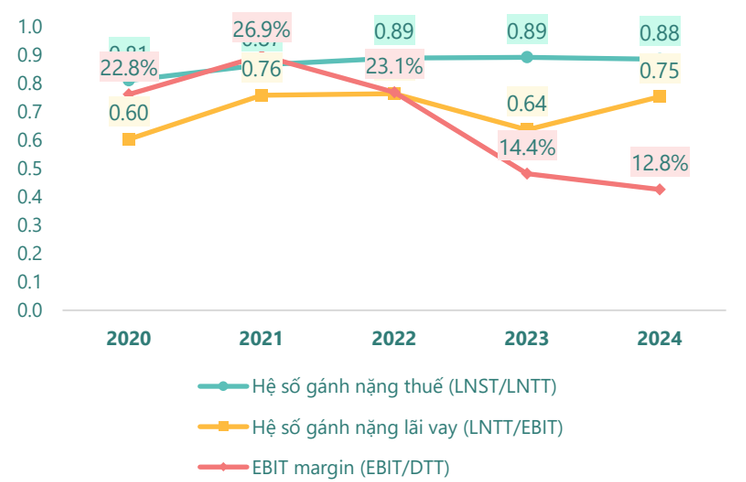
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



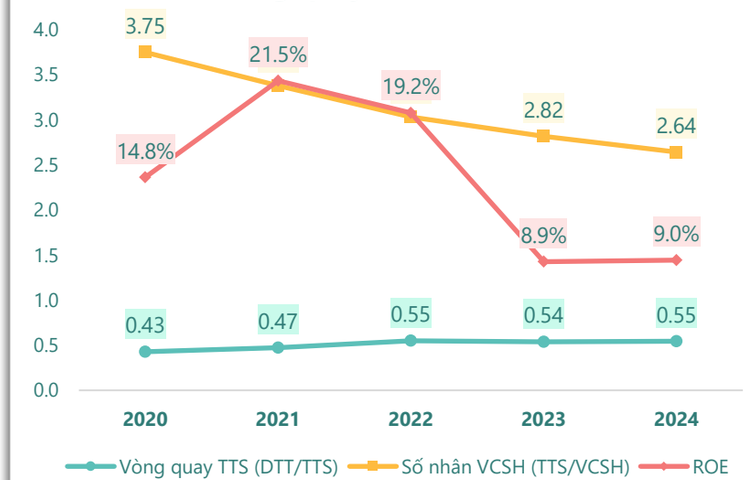
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



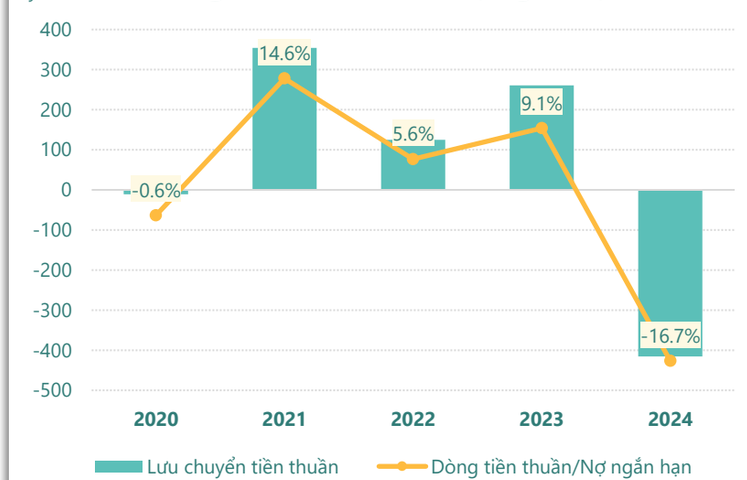
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,142**	**960**	**18.9%**	**1,669**	**1,386**	**20.4%**
Giá vốn hàng bán	981	831	18.1%	1,356	1,133	19.7%
Lợi nhuận gộp	160	130	23.4%	313	253	23.6%
Doanh thu HĐTC	3.63	3.12	16.3%	6.86	10.1	-31.9%
Chi phí TC	28.5	27.0	5.4%	56.5	56.5	0.2%
Chi phí lãi vay	28.4	27.8	2.2%	56.4	56.2	0.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.60	0.76	110%	2.39	1.09	120%
Chi phí QLDN	**22.5**	**22.2**	**1.2%**	**43.9**	**42.5**	**3.4%**
LN thuần từ HĐKD	111	82.8	34.6%	217	163	32.9%
Lợi nhuận khác	**-0.37**	**-0.34**	**-8.7%**	**-0.76**	**1.44**	**-153%**
LN trước thuế	111	82.4	34.9%	216	165	31.3%
Lợi nhuận sau thuế	**104**	**72.3**	**44.2%**	**205**	**150**	**36.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.1**	**53.8**	**34.0%**	**137**	**106**	**29.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-498	93.7	10.5	71.8	-135	-947
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	259	-204	-11.1	-48.9	-32.8	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-176	-94.0	65.5	115	-77.5	1,053
Tiền đầu kỳ	1,432	1,018	814	879	1,017	771
Lưu chuyển tiền thuần	**-414**	**-204**	**64.9**	**138**	**-245**	**126**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,018	814	879	1,017	771	897

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,312**	**6,419**	**13.9%**
Tài sản ngắn hạn	4,427	3,527	25.5%
Tiền và tương đương tiền	897	1,017	-11.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.5	69.5	2.9%
Phải thu ngắn hạn	1,236	1,107	11.7%
Hàng tồn kho	2,115	1,222	73.0%
Tài sản ngắn hạn khác	107	113	-4.6%
Tài sản dài hạn	**2,885**	**2,891**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	32.9	32.0	2.8%
Tài sản cố định	2,106	2,200	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	582	494	17.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	58.5	11.0	429%
Tài sản dài hạn khác	**106**	**155**	**-31.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,601	3,806	20.9%
Nợ ngắn hạn	**2,139**	**2,481**	**-13.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	925	1,144	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	207	415	-50.1%
Nợ dài hạn	2,462	1,325	85.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,462	1,324	86.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,711**	**2,613**	**3.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,711**	**2,613**	**3.8%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)